

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 04/4/2022

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

"Yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC - TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Minh Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Đức Hồng

2. Bà Mai Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hoà Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc - tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Luân – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 21/2021/TLST-DS ngày 09/12/2021 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất", "Yêu cầu huỷ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 14/02/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022 ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông L T Th, sinh năm: 1981. Có mặt

Địa chỉ: Thôn G S, xã B Ph, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đ V Ph - Luật sư văn phòng luật sư H Ph. Địa chỉ: Số 32 đường Ng G T, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt

- Bị đơn: Ông Ng V S, sinh năm 1975 và bà Ng Th M Th, sinh năm 1975. Cùng địa chỉ: Thôn B Th, Xã B Ph, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Ông S uỷ quyền cho bà Th tham gia tố tụng. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Ph C 1, xã Ph H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc

Đại diện theo pháp luật: Ông Ng Tr H, chủ tịch. Địa chỉ: Thôn Á Đ, xã L H, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

Ông Đ Ng Qu, sinh năm 1954. Địa chỉ: Thôn G S, xã B Ph, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt

Ông Ngu Ng S, sinh năm 1956. Địa chỉ: Thôn B Th, xã B Ph, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/3/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/5/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông L T Th trình bày: Vào năm 1994, ông cùng với cha ông đến địa điểm đất Bàu Quao gần trường học Thôn Gò Sạn, xã Bắc Phong, phát dọn khai hoang một vùng đất đã bỏ hoang từ sau năm 1975, diện tích đất khoảng 3.000m². Khi đó đất là một gò cao, nhiều gai bàn chải và cây trâm bầu, ông phát dọn làm trại chăn dê, còn lại là đất bầu thung lũng nước sinh lầy, ông chở đất về đổ đầy. Quá trình dọn ở và đổ đất lấp dần đã bằng phẳng, ông đã đổ đất làm con đường dài hơn 200m để dân đi lại. Năm 2003, ông Ng V S tự ý trồng cây trên đất, ông có ngăn cản và nhổ bỏ cây trồng nên ông Sơn không trồng nữa. Đầu năm 2019 ông được biết ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có phần diện tích khoảng gần 3.000m² mà ông cùng gia đình đã khai hoang vào năm 1994. Vì vậy giữa các bên có tranh chấp, hòa giải tại xã không thành. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Yêu cầu vợ chồng ông Ng V S, bà Ng Th M Th trả lại cho ông diện tích khoảng 3.000m² đất thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ địa chính số 21, diện tích 5.096 m² do Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc cấp cho ông Ng V S, bà Ng Th M Th. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 5.096 m² do Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc cấp cho ông Ng V S, bà Ng Th M Th.

Bị đơn vợ chồng ông Ng V S, bà Ng Th M Th (ông S uỷ quyền cho bà Th) trình bày: Trước năm 1975 bà ngoại ông Ng V S là tên Tr Th L có khai hoang một số diện tích đất tại vị trí trường tiểu học Gò Sạn hiện nay. Khi tách tỉnh thì Ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải dời về xây dựng cơ sở tại Ba Tháp và lấy đất của gia đình bà Tr Th L làm nhà kho của Công ty thương nghiệp huyện. Đến năm 1997, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận có quyết định thu hồi quy hoạch khu dân cư. Năm 2004 xây dựng trường tiểu học Gò Sạn. Trong khoảng thời gian từ năm 1997 đến năm 2002 thì có một số hộ dân đến ở tạm tại vị trí nhà kho thương nghiệp và canh tác trên đất còn lại trong khuôn viên thương nghiệp trong đó có hộ ông Ng V S. Sau khi trường tiểu học Gò Sạn xây dựng xong và đưa vào sử dụng đến năm 2007 thì ông S có đưa máy ủi đến vị trí trước trường tiểu học Gò Sạn để san ủi, rào lại bằng hàng rào trụ gỗ và canh tác vài năm nhưng vì khô hạn nên không canh tác được. Tuy không canh tác nhưng ông S thường xuyên đổ đất nâng nền. Năm 1998 gia đình bà L, ông S, bà Th có làm đơn xin cấp quyền sử dụng đất. Thời gian đầu không được xem xét cấp quyền sử dụng nên bà Tr Th L đã làm đơn khiếu nại gửi các cấp. Đến năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc có quyết định giải quyết khiếu nại số 3603/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 quyết định có nội dung: “*Giao Ủy ban nhân dân xã Bắc Phong, Phòng Tài Nguyên và Môi trường huyện xem xét công nhận Quyền sử dụng đất thửa 115, tờ bản đồ số 21, có diện tích là 5.032m² cho ông Ng V S theo trình tự quy định của pháp luật*”. Năm 2016, ông S, bà Th đã được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21 có diện tích 5.096m². Vợ chồng ông S, bà Th khẳng định phần diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc là do bà Tr Th L (bà ngoại ông S) khai hoang và đã được Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc cấp quyền sử dụng cho ông S, bà Th theo số CC729417, cấp ngày 07/3/2016. Vì vậy, vợ chồng bà Th, ông S

không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Trong quá trình tố tụng, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc có đơn trình bày: Theo quyết định giải quyết khiếu nại số 3603/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà T Th L thể hiện: Từ năm 2008 ông Ng V S khai phá sử dụng thửa đất số 115, tờ bản đồ địa chính số 21, diện tích 5.032m². Không thể hiện quá trình sử dụng đất của ông L T Th. Mặt khác, từ năm 2012 gia đình bà L, ông Ng V S liên tục khiếu nại ủy ban nhân dân huyện yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu đòi quyền sử dụng đất 3.000m² và hủy một giấy chứng nhận đã cấp cho vợ chồng ông Ng V S là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện bác yêu cầu khởi kiện của ông L T Th.

Trong quá trình tố tụng, những người làm chứng Đ Ng Qu, Ng Ng S trình bày: Từ năm 1995 đến năm 2004, do thường xuyên đi làm đi qua trường học thôn Gò Sạn thấy cha con ông L T Th đến địa điểm Bàu Quao gần trường tiểu học Gò Sạn phát dọn khai hoang một vùng đất bỏ hoang từ sau năm 1975, ông Th phát dọn được khoảng 2.000m² làm trại chăn nuôi dê được vài năm sau đó ông Th dùng xe máy cày đổ đất được tất cả khoảng 3.000m². Tuy nhiên, các ông không biết việc ông Th đã sử dụng đất do bà Tr Th L khai hoang trước đó và cũng không biết việc tranh chấp đất giữa ông Th với vợ chồng ông S.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên ý kiến của mình đối với việc giải quyết vụ án. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ông cho rằng ông Th là người đã khai hoang phần diện tích 3.000m² đất trong tổng diện tích 5.096m² đất đã được cấp cho vợ chồng ông Ng V S. Tuy ông Th không cung cấp được những tài liệu liên quan đến việc khai hoang đất nhưng có người làm chứng xác nhận việc ông Th đã từng khai hoang và sử dụng diện tích đất trên là đúng sự thật. Ngoài ra, Quyết định 3603/QĐ-UBND ngày 01/9/2014 của UBND huyện Thuận Bắc có sự mâu thuẫn về việc xác định nguồn gốc 3.000m² đất đang tranh chấp, cụ thể bà Tr Th L chỉ khai hoang khoảng 1.500m² đất, 3.000m² còn lại là đất do nhà nước quản lý nhưng lại cấp cho gia đình ông Ng V S là không đúng. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S và công nhận cho ông Th quyền sử dụng 3.000m² đất nằm trong diện tích đất được cấp cho vợ chồng ông S.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc thể hiện:

- Về tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự chấp hành đúng quy định tại điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 147, 157 BLTTDS; Điều 163, 164, 165, 221 BLDS; Điều 97, 166, 168 Luật đất đai 2013; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326 của UBTV Quốc hội. Đề nghị HĐXX không chấp nhận toàn bộ yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy một phần giấy chứng nhận QSDĐ đối với thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21 diện tích 5.069m² do UBND huyện Thuận Bắc cấp cho ông Ng V S và bà Ng Th M Th và buộc vợ chồng ông S, bà Th trả lại 3.000m² đất.

Các chi phí tố tụng khác khác: Do nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, đo đạc tài sản là 2.802.000 đồng nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông L T Th khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Ng V S, bà Ng Th M Th trả lại cho ông diện tích khoảng 3.000m² đất thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ địa chính số 21, diện tích 5.096 m² do Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc cấp cho vợ chồng ông Ng V S, bà Ng Th M Th. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 5.096 m² do Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc cấp cho vợ chồng ông Ng V S, bà Ng Th M Th. Do các đương sự và tài sản tranh chấp thuộc địa bàn huyện Thuận Bắc. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” và “*Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc.

[2]. Về nội dung tranh chấp trong vụ án: Nguyên đơn cho rằng Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc đã công nhận quyền sử dụng đất diện tích 5.096m² thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21 xã Bắc Phong cho vợ chồng ông Ng V S là không đúng vì trong phần diện tích đó có 3.000m² đất thuộc quyền sử dụng của nguyên đơn. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu tòa án công nhận cho nguyên đơn được quyền sử dụng 3.000m² đất trong phần diện tích 5.096m² và hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông Ng V S. Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì cho rằng diện tích 5.096m² đất được cấp cho gia đình bị đơn là đúng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc xác định quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Ng V S là đúng trình tự, thủ tục quy định và đúng diện tích đất mà gia đình ông S đang sử dụng.

[3] Xét về nguồn gốc diện tích 5.096m² đất thuộc thửa 115, tờ bản đồ số 21 xã Bắc Phong, huyện Thuận Bắc: Tại hồ sơ vụ án thể hiện vợ chồng ông Ng V S, bà Ng Th M Th được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất căn cứ theo quyết định số 3603/QĐ-UBND ngày 01/9/2015. Theo quyết định số 3603/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Tr Th L có nội dung được tóm tắt như sau: “...Về nguồn gốc đất của thửa 115, tờ bản đồ địa chính số 21 có diện tích 5.302m² thuộc thôn Ba Tháp, xã Bắc Phong: Các ý kiến của ban ngành của xã đều chỉ khẳng định là biết rõ từ sau năm 1975 là đất rừng không thấy ai canh tác. (khoảng năm 2008, cháu bà L là ông Ng V S có tác

động thuê máy ủi san lấp, hoàn chỉnh ranh rào, tuy nhiên UBND xã đã ngăn cản, có lập biên bản). Năm 2013 ông S có trồng bo bo, lúa trên thửa đất này nhưng đều chết do đất cà giang. Từ cơ sở trên, kết luận về nguồn gốc thửa đất 115, tờ bản đồ địa chính số 21, diện tích 5.302m² như sau: Phần thửa đất phía đông có diện tích khoảng 1.500m² có nguồn gốc là của bà L khai hoang, tuy nhiên từ đó đến nay bà không canh tác. Phần còn lại phía tây thửa đất không phải do bà L khai hoang. Thửa đất này do UBND xã quản lý. Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai, tại khoản 4 điều 22 có quy định về việc xử lý, cấp GCNQSD đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai từ trước ngày 01/7/2014: *“Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt, không có tranh chấp thì được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức do UBND cấp tỉnh quy định; nếu vượt hạn mức do UBND cấp tỉnh quy định thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê”*. Xét điều kiện được quy định như trên, UBND huyện có thể xem xét công nhận quyền sử dụng thửa đất 115, tờ bản đồ số 21, có diện tích 5.302m² cho ông Ng V S (cháu bà L), nếu ông S có nhu cầu canh tác, với các lý do sau: Căn cứ tờ bản đồ địa chính năm 2003, xác định thửa đất 115, diện tích 5.304m² là đất vườn (đất nông nghiệp khác). Ông S có tác động khai hoang phục hoá và đất không tranh chấp...Quyết định...giao cho UBND xã Bắc Phong, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện xem xét công nhận QSD đất thửa 115, tờ bản đồ địa chính số 21 có diện tích 5.032m² cho ông Ng V S theo trình tự quy định của pháp luật....”

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn cho rằng có khai hoang diện tích 3.000m² đất trong phần diện tích 5.096m² đất được cấp cho gia đình ông Ng V S. Tại biên bản hoà giải (BL 114-115) cũng như tại phiên toà, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Quyết định 3603/QĐ-UBND ngày 01/9/2014 của UBND huyện Thuận Bắc có sự mâu thuẫn về việc xác định nguồn gốc 3.000m² đất đang tranh chấp, do đó đã cấp nhầm 3.000m² đất của nguyên đơn cho gia đình ông Ng V S. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà nguyên đơn cho rằng đã khai hoang diện tích đất nói trên nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ như giấy tờ xác nhận khai hoang được của chính quyền địa phương xác nhận... để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình. Nguyên đơn có cung cấp thông tin những người làm chứng có chứng kiến việc khai hoang là đúng, tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai (BL 139) người làm chứng ông Đ N Qu có nội dung: *“...Trước đây khoảng hơn 10 mấy năm... trên đường đi rẫy có thấy cha con ông Th làm chuồng dê trên phần đất của nhà ông Th, bà L (cô ông Th)...ông không biết nguồn gốc đất và tranh chấp gì giữa ông Th và ông S..”*. Toà án có công văn yêu cầu cơ quan chuyên môn cung cấp thông tin về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp. Căn cứ theo công văn số 16/CV-UBND ngày 08/02/2022 của UBND xã Bắc Phong và công văn số 2655/UBND-NC ngày 27/7/2021 của UBND huyện Thuận Bắc có nội dung trả lời Toà án về nguồn gốc thửa đất 115, tờ bản đồ địa chính số 21 xã Bắc Phong mà các đương sự đang tranh chấp có nội dung như sau: Thửa đất số 115 tờ bản đồ địa chính số 21 cấp cho vợ chồng ông Ng V S căn cứ theo Quyết định số 3603/QĐ-UBND ngày 01/9/2015 của

chủ tịch UBND huyện Thuận Bắc về việc giải quyết khiếu nại của hộ bà Tr Th L, thể hiện từ năm 2008 ông Ng V S khai phá sử dụng thửa đất số 115, tờ bản đồ địa chính số 21, diện tích 5.096m². Không thể hiện quá trình sử dụng đất của ông L T Th. Mặt khác, từ năm 2012 gia đình bà L (ông Th) liên tục khiếu nại UBND huyện yêu cầu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó việc ông Th cho rằng UBND huyện cấp nhầm 3.000m² đất của ông cho vợ chồng ông S là không có cơ sở. Từ những phân tích trên, HĐXX căn cứ vào các Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 166, Điều 168 Luật đất đai 2013; căn cứ vào ý kiến kiểm sát viên. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông L T Th.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định, đo đạc tài sản số tiền 2.802.000 đồng và không có yêu cầu gì khác. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: Khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 97, Điều 98, Điều 99, Điều 166, Điều 168 Luật đất đai 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu chồng ông Ng V S, bà Ng Th M Th trả lại cho ông diện tích khoảng 3.000m² đất thuộc thửa đất số 115, tờ bản đồ địa chính số 21, diện tích 5.096 m² do Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc cấp cho ông Ng V S, bà Ng Th M Th. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 5.096 m² do Ủy ban nhân dân huyện Thuận Bắc cấp cho ông Ng V S, bà Ng Th M Th.

Về án phí: Ông L T Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021751 ngày 17/3/2021 và biên lai thu số 0021767 ngày 27/5/2021. Hoàn lại cho ông Th 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Th đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/4/2022). Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, niêm yết, tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thuận Bắc;
- Chi Cục THA huyện Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Minh Đăng

